



HOÀNG TRIỀU
E L E V A T O R

VĂN PHÒNG & NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Địa chỉ: 1532 Trần Văn Giàu, Ấp 1, Xã Phạm Văn Hai, H.Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
SĐT: (028) 5400 2242 Hotline: 0917 446 776
Email: thangmayhoangtrieu.info@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NHA TRANG

Địa chỉ: 53 Khu H, Nam Hòn Khô, Phường Vĩnh Hoà, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà
SĐT: 0944 510 768

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI GIA LAI

Địa chỉ: 004 Lê Anh Xuân, Phường Thắng Lợi, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
SĐT: 0915 797 176

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VŨNG TÀU

Địa chỉ: 40/6 Võ Thị Sáu, Phường 2, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
SĐT: 0944 923 768

CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY
HOÀNG TRIỀU

www.thangmayhoangtrieu.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY HOÀNG TRIỀU

- Bắt đầu tham gia thương trường từ năm 2006 với tên gọi Công Ty Cổ Phần Thang Máy Hoàng Triều. Hoạt động chính là chuyên sản xuất lắp đặt và bảo trì sửa chữa thang máy. Tự hào là một công ty có bề dày kinh nghiệm cao trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt thang máy. Hoàng Triều luôn quan tâm cải tiến, đầu tư nhà xưởng, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực phục vụ và chuyên môn kỹ thuật để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cho thị trường.
- Đặc biệt, với nền tảng kỹ thuật tiên tiến Hoàng Triều đang là đơn vị tiên phong đưa dòng sản phẩm thang gia đình - Homelift sản xuất tại Việt Nam theo tiêu chuẩn Châu Âu EN81 với thương hiệu Nanolift. Đây là giải pháp tiện ích cho những ngôi nhà có diện tích nhỏ, với mẫu mã thiết kế đa dạng mang tới không gian sống đầy tiện ích và sang trọng.

CHÚNG TÔI TỰ HÀO VỚI NHỮNG MỐC SỐ ẤN TƯỢNG TRÊN THỊ TRƯỜNG



Với **4** chi nhánh
Lắp đặt bảo trì trên toàn quốc



Cùng **100** nhân viên
(Hơn 80% là kỹ thuật viên)



Trên **19** năm
có mặt trên thị trường



Trên **2000** công trình đang sử dụng
thang máy thương hiệu Hoàng Triều trên toàn quốc

CHÚNG TÔI LUÔN CAM KẾT “MỘT CHẤT LƯỢNG TRỌN NIỀM TIN”



• AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

Hoàng Triều luôn cập nhật và áp dụng các tiêu chuẩn an toàn theo quy định của nhà nước cho mọi sản phẩm trong quá trình sản xuất lắp đặt, bảo hành và bảo trì.



• DỊCH VỤ CHU ĐÁO

Dịch vụ bảo hành - bảo trì nhanh chóng nhiệt tình 24/7. Đặc biệt Hoàng Triều áp dụng camera quan sát quá trình bảo trì của nhân viên. Nhằm giúp khách hàng giám sát chất lượng, tính minh bạch công việc bảo trì.



• THIẾT KẾ ĐA DẠNG

Hoàng Triều có đội ngũ kỹ sư nhiều kinh nghiệm, luôn ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài vào quá trình nghiên cứu để cải tiến chất lượng sản phẩm.



• TỐI ƯU NGÂN SÁCH

Với kinh nghiệm trên 15 năm, chúng tôi sẽ giúp bạn chọn lựa được dòng thang phù hợp công năng, có độ bền theo thời gian với mức giá tương ứng cùng chất lượng dịch vụ.

NHÓM SẢN PHẨM

- THANG MÁY TẢI KHÁCH
- THANG MÁY TẢI HÀNG
- THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH
- THANG TẢI THỰC PHẨM
- THANG TẢI Ô TÔ
- THANG QUAN SÁT
- THANG GIA ĐÌNH NANOLIFT
- THANG TRÒN

DỊCH VỤ CUNG CẤP

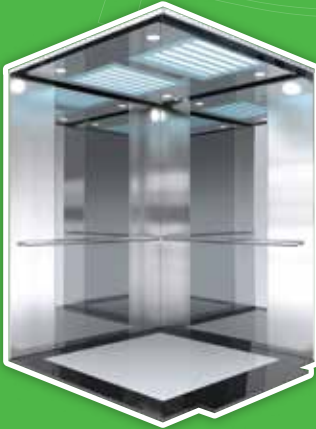
- TƯ VẤN THIẾT KẾ MIỄN PHÍ
- SẢN XUẤT VÀ LẮP ĐẶT
- BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA
- CUNG CẤP THIẾT BỊ THAY THẾ



MẪU PHÒNG THANG

CB-01

VÁCH	Inox Gương xen kẽ sọc nhuyền
TAY NẮM	HR-01
HỘP GỌI	COP-02
TRẦN GIẢ	TG-01



MẪU PHÒNG THANG

CB-02

VÁCH	Inox Gương xen Kẽ Hoa văn (có LED dọc)
TAY NẮM	HR-01
HỘP GỌI	COP-02
TRẦN GIẢ	TG-02



MẪU PHÒNG THANG

CB-03

VÁCH	Vách trước: Inox Gương Vàng Vách hông: Inox Gương vàng xen kẽ Inox Hoa văn vàng Vách sau: Inox Gương vàng xen kẽ Inox Hoa văn vàng
TAY NẮM	HR-02
HỘP GỌI	COP-02
TRẦN GIẢ	TG-05



CB-04

VÁCH	Vách trước: Inox Gương hồng Vách hông: Inox Gương hồng xen kẽ Inox sọc hồng Vách sau: Inox Gương hồng xen kẽ Laminat (có Led dọc)
TAY NẮM	HR-02
HỘP GỌI	COP-02
TRẦN GIẢ	TG-06



NỘI THẤT PHÒNG THANG

TRẦN GIẢ



TG - 01



TG - 03



TG - 02

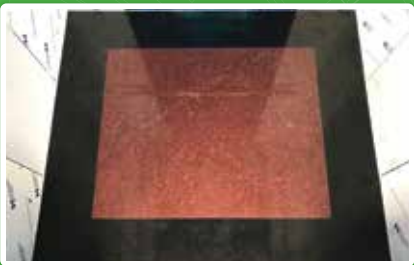


TG - 04

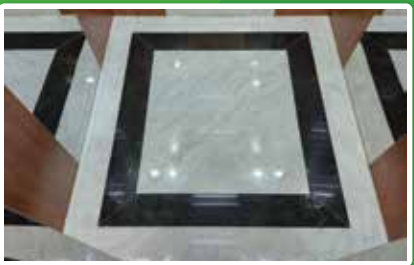
MẶT SÀN



S-01



S-02



S-03



S-04

HỘP GỌI THANG



COP - 01/HB - 01

*P/s: Inox 1mm hoặc 3mm



COP - 02/HB - 02



COP - 03/HB - 03

TAY NẮM



HR - 01



HR - 02



HR - 03

CỬA TẦNG



CT - 01	
BAO CHE	Loại rộng có transom, Inox gương
CÁNH CỬA	Inox hoa văn
HỘP HỘI TẦNG	HB - 02



CT-02	
BAO CHE	Loại hẹp không transom
CÁNH CỬA	Inox sọc ngẫu nhiên
HỘP HỘI TẦNG	HB - 02

CÁC KIỂU CỬA TẦNG CÓ TRANSOM



CT - 03



CT - 04



CT - 05

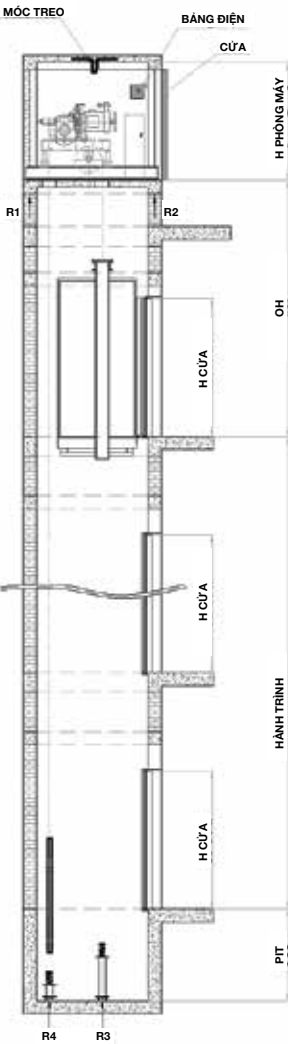


CT - 06

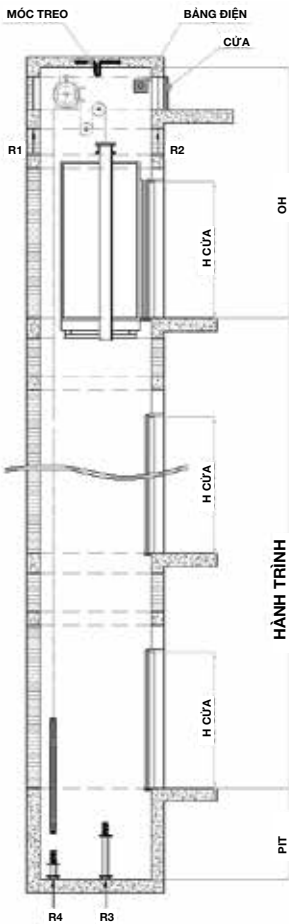


CT - 07

MẶT CẮT DỌC HỒ THANG

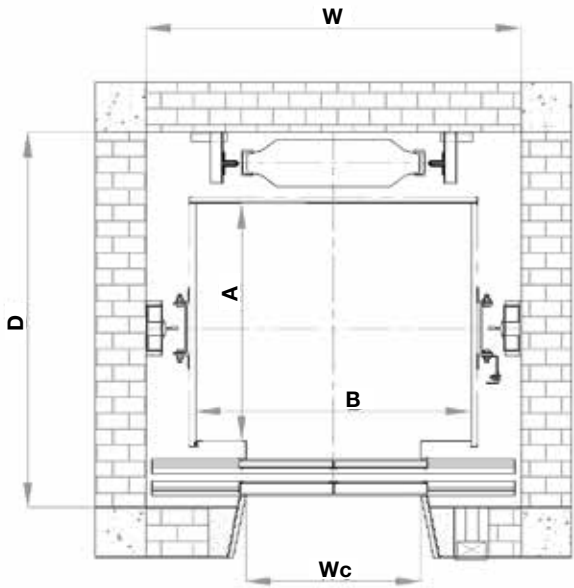


CÓ PHÒNG MÁY



KHÔNG PHÒNG MÁY

MẶT CẮT NGANG HỒ THANG



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (CỬA TIM - ĐỐI TRỌNG SAU)

Mã hiệu	Tốc độ (mét/phút)	Tải trọng (Kg)	Số người	Các kích thước (mm)				Phản lực			
				Khoảng mở cửa (C)	Kích thước phòng thang (AxB)	Kích thước hố thang (WxD)	OH/PD	R1	R2	R3	R4
P4 - CO	60	300	4	700	1200X850	1600x1400	4000/1400	3650	1900	4050	3550
	90						4200/1500				
P6 - CO	60	450	6	800	1400X850	1800x1400	4200/1400	3750	2000	4450	3750
	90						4400/1500				
P7 - CO	60	550	7	800	1400X1000	1800x11550	4200/1400	3800	2300	4800	3950
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	4400	2600	6450	5350
P8 - CO	60	630	8	800	1400X1000	1800x1650	4200/1400	4500	2600	5350	4400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	4650	2700	6850	5700
P10 - CO	60	750	10	800	1400X1300	1800x1850	4200/1400	5000	3050	6250	5050
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	5300	3200	7950	6500
P11 - CO	60	850	11	800	1400X1400	1800X1950	4200/1400	5300	3450	6700	5400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	5450	3550	8500	6850
P12 - CO	60	900	12	900	1600X1300	2000X1900	4200/1400	5700	3450	7150	5700
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	5900	3600	9050	7250
P13 - CO	60	1000	13	900	1600X1450	2000X2050	4200/1400	5850	3650	6450	5800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	6100	3850	9650	7600
P15 - CO	60	1150	15	1000	1800X1450	2200X2050	4200/1400	7450	4500	8650	6800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	7500	4550	10850	8500
P18 - CO	60	1350	18	1100	2000X1500	2400X2100	4200/1400	8050	5100	9800	7600
	90						4400/1500				
	105						4600/1600	8250	5200	12450	9650

THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỔ THANG

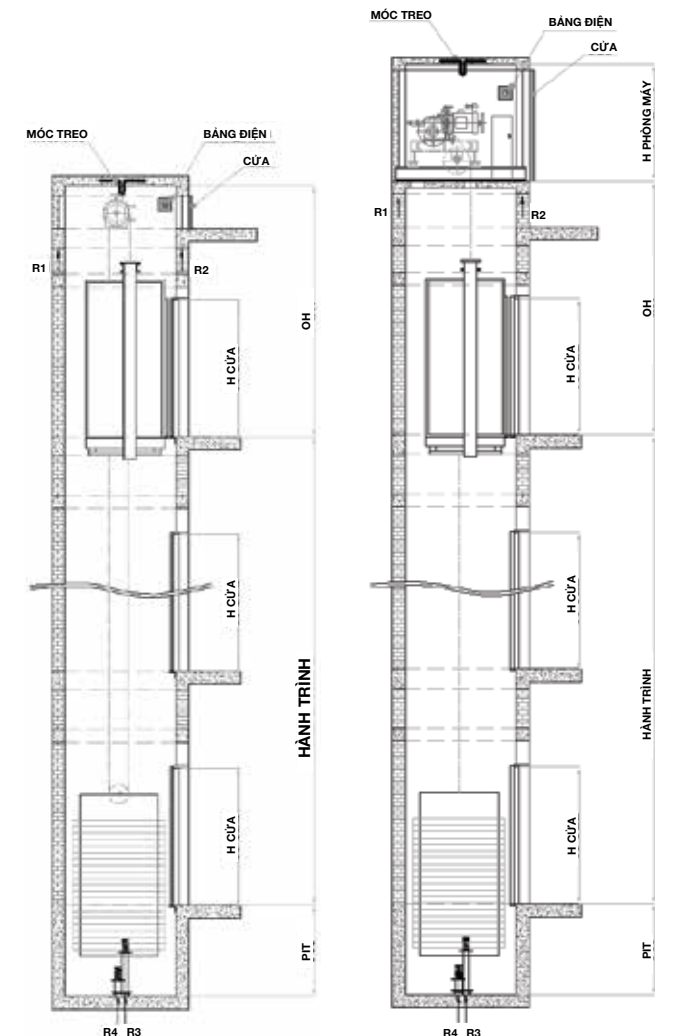
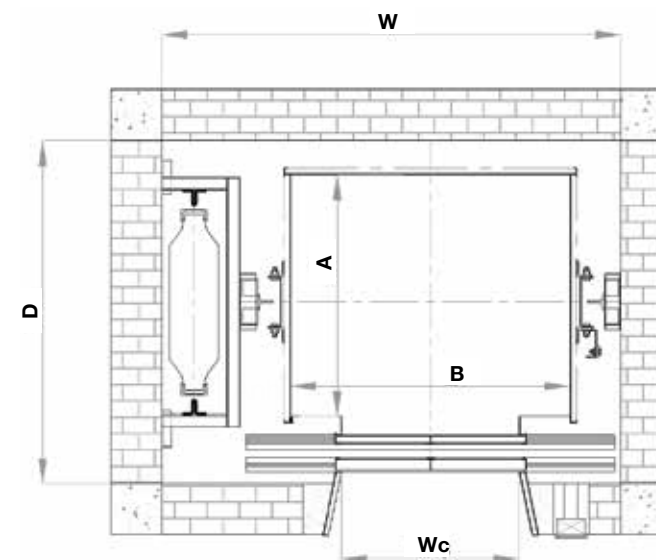
CỬA TIM - ĐỐI TRỌNG HÔNG

MẶT CẮT DỌC HỔ THANG

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (CỬA TIM - ĐỐI TRỌNG HÔNG)

Mã hiệu	Tốc độ <i>(mét/phút)</i>	Tải trọng <i>(Kg)</i>	Số người	Các kích thước (mm)				Phản lực			
				Khoảng mở cửa (C)	Kích thước phòng thang (AxB)	Kích thước hố thang (WxD)	OH/PD	R1	R2	R3	R4
P4 - CO	60	300	4	700	1200x850	1900x1200	4000/1400	3650	1900	4050	3550
	90						4200/1500				
P6 - CO	60	450	6	800	1400x850	2100x1200	4200/1400	3750	2000	4450	3750
	90						4400/1500				
P7 - CO	60	550	7	800	1400x1000	2100x1350	4200/1400	3800	2300	4800	3950
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P8 - CO	60	360	8	800	1400x1100	2100x1450	4200/1400	4500	2600	5350	4400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P10 - CO	60	750	10	800	1400x1300	2100x1650	4200/1400	5000	3050	6250	5050
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P11 - CO	60	850	11	800	1400x1400	2100x1750	4200/1400	5300	3450	6700	5400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P12 - CO	60	900	12	900	1600x1300	2300x1700	4200/1400	5700	3450	7150	5700
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P13 - CO	60	1000	13	900	1600x1450	2300x1850	4200/1400	5850	3650	6450	5800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P15 - CO	60	1150	15	1000	1800x1450	2500x1850	4200/1400	7450	4500	8650	6800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P18 - CO	60	1350	18	1100	2000x1900	2700x1900	4200/1400	8050	5100	9800	7600
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				

MẶT CẮT NGANG HỔ THANG



KHÔNG PHÒNG MÁY

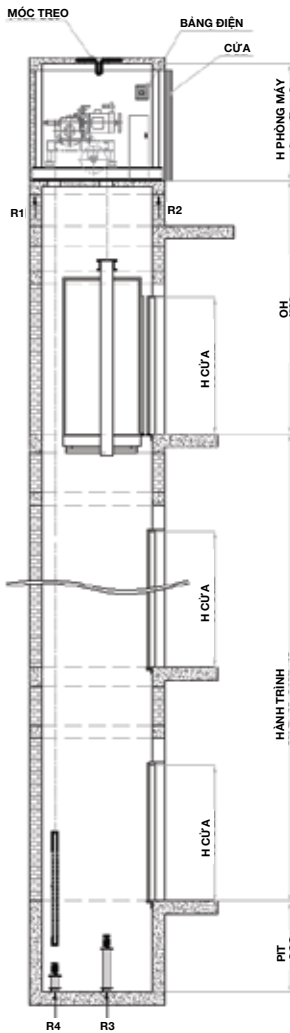
CÓ PHÒNG MÁY



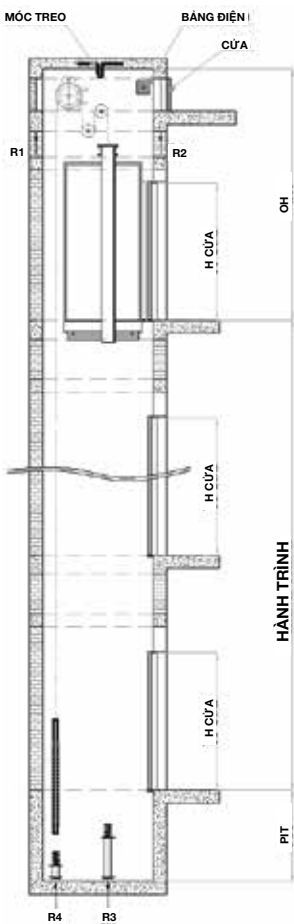
THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỒ THANG

CỬA LỬA - ĐỐI TRỌNG SAU

MẶT CẮT DỌC HỒ THANG

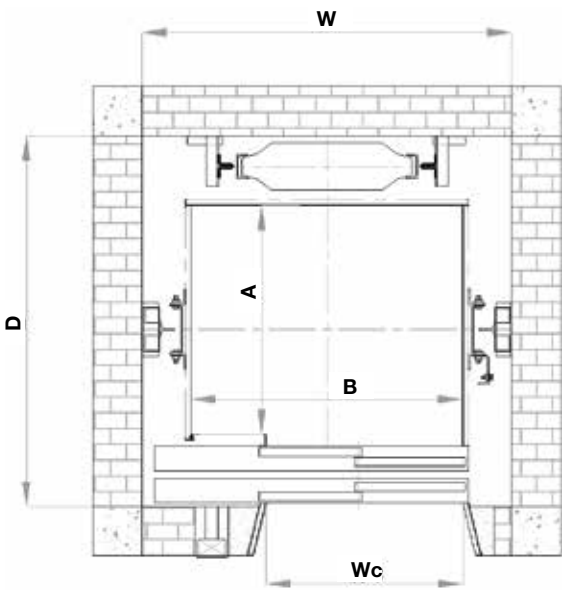


CÓ PHÒNG MÁY



KHÔNG PHÒNG MÁY

MẶT CẮT NGANG HỒ THANG



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (CỬA LỬA - ĐỐI TRỌNG SAU)

Mã hiệu	Tốc độ (mét/phút)	Tải trọng (Kg)	Số người	Các kích thước (mm)				Phản lực			
				Khoảng mở cửa phòng (C)	Kích thước phòng thang (AxB)	Kích thước hồ thang (WxD)	OH/PD	R1	R2	R3	R4
P4 - SO	60	300	4	700	900x1000	1300x1650	4000/1400	3200	1700	3500	3100
	90						4200/1500				
P6 - SO	60	450	6	800	1100x1100	1500x1750	4200/1400	3750	2000	4450	3750
	90						4400/1500				
P7 - SO	60	550	7	800	1100x1300	1500x1950	4200/1400	3800	2300	4800	3950
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P8 - SO	60	360	8	800	1100x1400	1500x2050	4200/1400	4500	2600	5350	4400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P10 - SO	60	750	10	800	1100x1700	1500x1350	4200/1400	5000	3050	6250	5050
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P11 - SO	60	850	11	800	1250x1650	1650x2300	4200/1400	5300	3450	6700	5400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P12 - SO	60	900	12	900	1250x1750	1600x2400	4200/1400	5700	3450	7150	5700
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P13 - SO	60	1000	13	900	1400x1800	1800x2450	4200/1400	5850	3650	6450	5800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P15 - SO	60	1150	15	1000	1600x1800	2000x2450	4200/1400	7450	4500	8650	6800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P18 - SO	60	1350	18	1200	1700x2000	2100x2650	4200/1400	8050	5100	9800	7600
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				

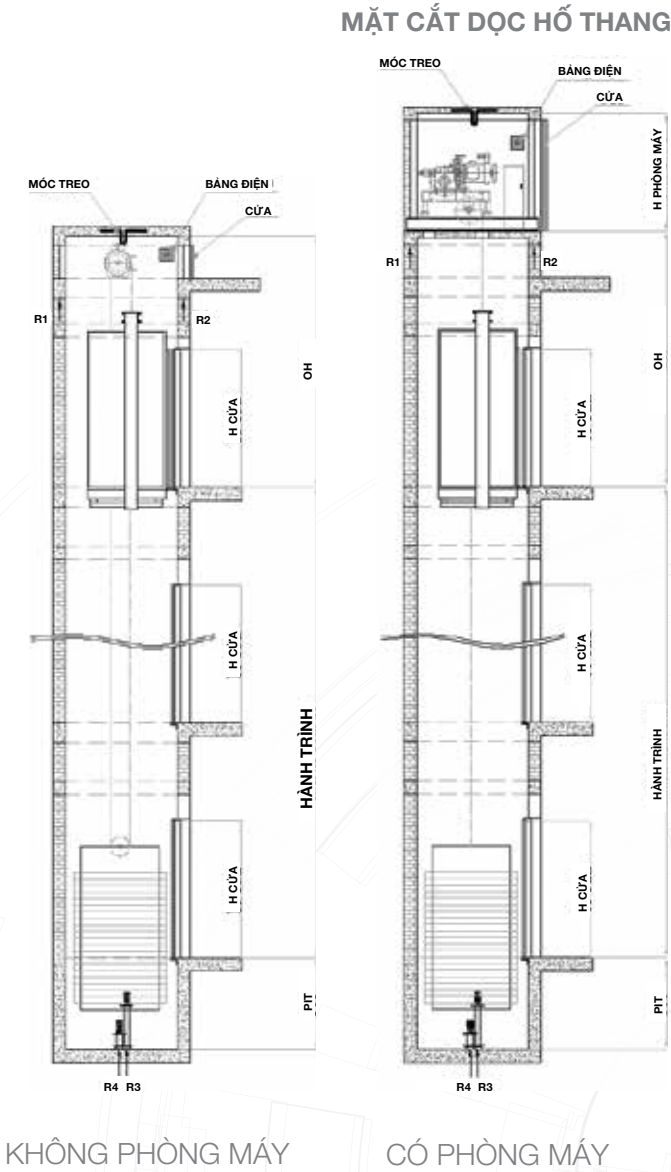
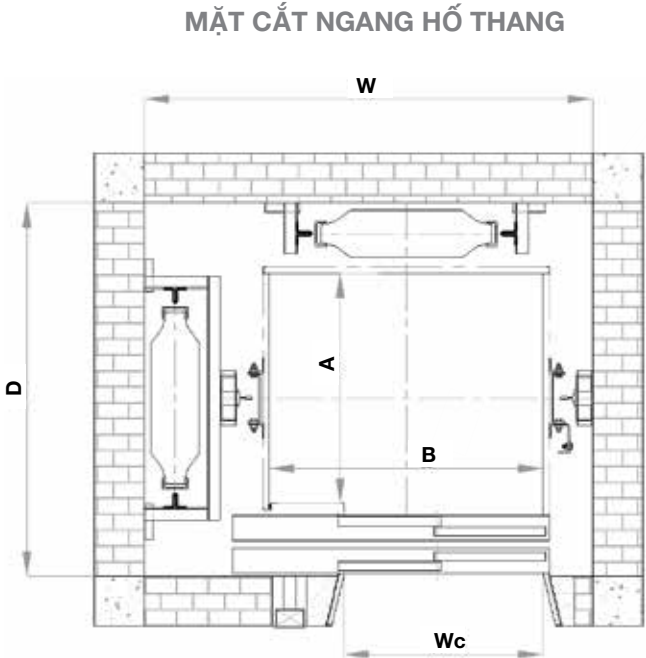


THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỒ THANG

CỬA LỬA - ĐỐI TRỌNG HÔNG

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (CỬA LỬA - ĐỐI TRỌNG HÔNG)

Mã hiệu	Tốc độ (mét/phút)	Tải trọng (Kg)	Số người	Các kích thước (mm)				Phản lực			
				Khoảng mở cửa phòng thang (C)	Kích thước phòng thang (AxB)	Kích thước hố thang (WxD)	OH/PD	R1	R2	R3	R4
P4 - SO	60	300	4	700	900x1000	1600x1450	4000/1400	3200	1700	3500	3100
	90						4200/1500				
P6 - SO	60	450	6	800	1100x1100	1800x1550	4200/1400	3750	2000	4450	3750
	90						4400/1500				
P7 - SO	60	550	7	800	1100x1300	1800x1750	4200/1400	3800	2300	4800	3950
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P8 - SO	60	360	8	800	1100x1400	1800x1850	4200/1400	4500	2600	5350	4400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P10 - SO	60	750	10	800	1100x1700	1800x2150	4200/1400	5000	3050	6250	5050
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P11 - SO	60	850	11	800	1250x1650	1950x2100	4200/1400	5300	3450	6700	5400
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P12 - SO	60	900	12	900	1250x1750	1950x2200	4200/1400	5700	3450	7150	5700
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P13 - SO	60	1000	13	1000	1400x1800	2100x2250	4200/1400	5850	3650	6450	5800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P15 - SO	60	1150	15	1000	1600x1800	2300x2250	4200/1400	7450	4500	8650	6800
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				
P18 - SO	60	1350	18	1200	1700x2000	2400x2450	4200/1400	8050	5100	9800	7600
	90						4400/1500				
	105						4600/1600				





TỦ ĐIỀU KHIỂN VÀ HỆ THỐNG DẪN ĐỘNG CỬA TỦ ĐIỀU KHIỂN

1. BIẾN TẦN FUJI (XUẤT XỨ NHẬT BẢN)

Là thiết bị biến đổi tần số - điện áp (VariableVoltage VariableFrequency), dùng để điều khiển tốc độ, moment động cơ dựa trên các tín hiệu xung điện hồi tiếp từ bộ mã hóa ecoder. Do đó mang lại lợi ích tiết kiệm điện năng, dừng tầng chính xác, êm ái, an toàn thoải mái cho người sử dụng.

2. HỆ ĐIỀU KHIỂN PLC

Được thiết kế dựa trên nền bộ vi xử lý lập trình logic-PLC Mitsubishi (xuất xứ Nhật Bản). Có khả năng thực hiện mọi chức năng thang máy, đảm bảo an toàn tin cậy, khả năng đáp ứng linh hoạt, dung lượng lệnh gọi phục vụ cao với nhiều chế độ hoạt động thông minh.

Số tầng điều khiển	30 tầng
Truyền dữ liệu	song song hoặc nối tiếp
Tốc độ thang tối đa	1,5m/s

3.HỆ ĐIỀU KHIỂN MẠCH VI XỬ LÝ LISA - ĐỨC (GERMANY)

Là hệ điều khiển thang máy chuyên dùng của hãng Schneider - Đức, được thiết kế dựa trên nền vi xử lý PHILIP-Hà Lan. Hệ thống có khả năng thực hiện mọi chức năng thang máy đảm bảo an toàn tin cậy, khả năng đáp ứng linh hoạt, dung lượng lệnh gọi phục vụ cao với nhiều chế độ hoạt động theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Số tầng điều khiển	48 tầng
Truyền dữ liệu	nối tiếp
Tốc độ thang tối đa	3,5m/s
Điều khiển nhóm	8 thang
Có thể điều khiển trong nhà hoặc giám sát từ xa thông qua máy tính cá nhân	

4. HỆ ĐIỀU KHIỂN MẠCH VI XỬ LÝ STEP - CHINA

Là hệ điều khiển thang máy chuyên dùng của hãng STEP-China, được thiết kế dựa trên nền vi xử lý ARM(USA), hệ thống có khả năng thực hiện mọi chức năng thang máy, đảm bảo độ an toàn tin cậy, khả năng đáp ứng linh hoạt, dung lượng lệnh gọi phục vụ cao với nhiều chế độ hoạt động theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Số tầng điều khiển	64 tầng
Truyền dữ liệu	nối tiếp
Tốc độ thang tối đa	4m/s
Điều khiển nhóm	8 thang
Điều khiển Analog	Dừng tầng trực tiếp, êm ái

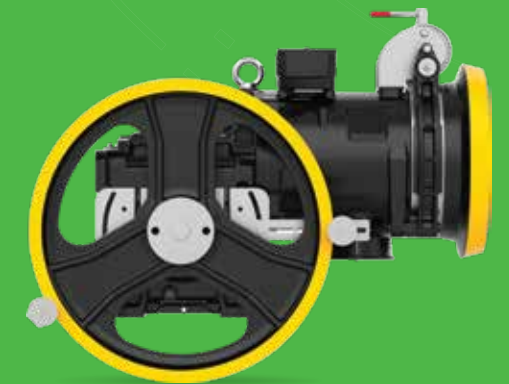
ĐỘNG CƠ MÁY KÉO

Máy kéo là thiết bị truyền động chính của hệ thống thang máy. Thiết bị chuyên dùng này được sản xuất trong các nhà máy với kỹ thuật chính xác cao. Việc lựa chọn máy kéo chính xác giúp thang máy có được độ bền ổn định và an toàn. Qua quá trình phát triển và nghiên cứu, Công ty Cổ Phần Thang Máy Hoàng Triều chọn lựa các dòng máy kéo SICOR (*) cho tất cả các dòng thang của mình.

KIỂU MÁY KÉO CÓ HỘP SỐ (Geared traction machine)

Đây là kiểu máy kéo sử dụng động cơ điện không đồng bộ 3 pha kết hợp với hộp số trục vít - bánh vít. Kiểu máy này được sử dụng cho các dòng thang tải khách, thang tải hàng, thang tải giường bệnh,... Với không gian lớn không bị hạn chế.

Hộp giảm tốc	Kiểu trục vít bánh vít
Hãng sản xuất	Sicor Made in Italy
Xuất xứ	Italy
Mã hiệu	SH110, MR12, MR14,...
Công suất	3,7KW – 19KW



KIỂU MÁY KÉO KHÔNG HỘP SỐ (Gearless traction machine)

Đây là kiểu máy kéo sử dụng động cơ điện đồng bộ 3 pha nam châm vĩnh cửu. Kiểu máy này thường được sử dụng cho tất cả các dòng thang tải khách, tải hàng, tải giường bệnh và đặc biệt cho thang gia đình với kết cấu không gian nhỏ.

Hộp giảm tốc	Động cơ từ nam châm vĩnh cửu
Hãng sản xuất	Sicor – Made in Italy
Xuất xứ	Italy
Mã hiệu	SG10,SG22,SG30B,...
Công suất	2,6 KW – 15KW



TIÊU CHUẨN AN TOÀN

THEO QUY PHẠM NHÀ NƯỚC TCVN 6396: 2017

1

KẾT CẤU HỖ THANG

- Độ cao OH (mục 4.6.1 TCVN 6396:2017): Không gian phía trên cabin nhỏ nhất phải chứa được một khối chữ nhật bằng 0.5m*0.6m*0.8m đặt theo bất kỳ mặt nào.
- Độ sâu PIT hố (mục 4.6.3.5TCVN6396:2017): Khi cabin tỳ nên hết giảm chấn thì khoảng không gian dưới cabin còn lại phải chứa được khối chữ nhật bằng 0.5*0.6*0.8m đặt theo bất kỳ mặt nào.

2

AN TOÀN CỬA

- Nhờ hệ thống an toàn cửa tầng, cabin không thể mở cửa nếu không dừng hoặc không ở trong vùng mở cửa của tầng đó. Vùng mở khóa có thể lệch $\pm 35\text{cm}$ so với sàn tầng (mục 6.6.1 TCVN 6396:2017).
- Trong vận hành bình thường, không thể khởi động cho thang chạy hoặc duy trì thang chạy khi có một cánh cửa nào đó bị mở (mục 6.6.2 TCVN 6396:2017).

3

AN TOÀN VƯỢT TỐC

- Khống chế vượt tốc Governor (Mục 9.3 TCVN 6396:2017): Đảm bảo an toàn cho cabin khi vận tốc đi xuống của cabin đạt giá trị bằng 115% vận tốc định mức. Bộ khống chế vượt tốc sẽ tác động cho bộ hãm an toàn giữ cabin trên rail dẫn hướng. Đồng thời cắt hệ thống điều khiển điện.
- Bộ hãm an toàn – thắng cơ (mục 9.2 TCVN 6396:2017): đảm bảo an toàn cho cabin khi vận tốc đi xuống của cabin đạt giá trị bằng 115% vận tốc định mức. Bộ khống chế vượt tốc sẽ tác động cho bộ hãm an toàn giữ cabin trên Rail dẫn hướng.

4

AN TOÀN QUÁ TẢI

- An toàn quá tải (mục 11.8.6 TCVN 6396:2017): Khi tải trọng vượt quá tải trọng định mức, thang sẽ không hoạt động và báo tín hiệu bằng còi. Thang sẽ hoạt động trở lại khi giảm tải.

5

AN TOÀN BẢO VỆ PHA

- An toàn bảo vệ ngược pha, mất cân bằng pha, sụt áp, quá áp: Đảm bảo ngắt điện toàn bộ hệ thống thang máy để bảo vệ thiết bị khi gặp sự cố về điện lưới

6

AN TOÀN CẤP TẢI

- Đường kính pulley phải ≥ 40 lần đường kính cáp tải (mục 7.9.2.1 6396:2017).
- Hệ số an toàn cấp ≥ 12 (mục 7.9.2.2 TCVN 6396:2017).
- Số sợi cáp ít nhất phải bằng hai (mục 7.9.1.3 TCVN 6396:2017).

TÍNH NĂNG AN TOÀN

1: CỨU HỘ TỰ ĐỘNG

- Mất pha: mất một pha hoặc chênh pha
- Thiết bị gia tốc hư (biến tần)
- Thiết bị điều khiển hư (PLC, board vi xử lý)
- Thiết bị hồi tiếp tín hiệu hư (encoder)
- Bộ cảm biến dừng tầng hư

2: KHỐNG CHẾ THANG TRÔI TỰ DO REGENERATIVE BRAKE

(Áp dụng cho loại máy kéo không hộp số)

- Trường hợp bình thường: Thang khi dừng bằng tầng, cơ cấu thắng sẽ giữ động cơ đứng yên.
- Trường hợp thang trôi tự do: Thang dừng bằng tầng nhưng cơ cấu thắng bị kẹt dẫn đến thang trôi tự do, gây nguy hiểm. Các dòng thang máy dùng loại máy kéo không hộp số của Hoàng Triều đều được trang bị tính năng RB, đảm bảo vận tốc cabin lúc trôi bằng 1/10 vận tốc danh định cho đến khi chạm đòn giảm chấn.

3: CỨU HỘ BẰNG TAY MỘT NÚT BẮM

(Áp dụng cho loại máy kéo không hộp số)

- Khi thang gặp sự cố, quý khách có thể đưa thang về tầng gần nhất chỉ với một nút nhấn cứu hộ.